VĂN BẢN HỢP NHẤT	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 92 /2026/VBHN-TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19

Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 07 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 36/2026/TT-NHNN ngày 01 tháng 07 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về điều hành công cụ chính sách tiền tệ và việc các tổ chức tín dụng Nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội do thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao

động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19[1].

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định về việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội để cho người sử dụng lao động vay theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là tái cấp vốn).

Điều 2. Số tiền tái cấp vốn

Tổng số tiền tái cấp vốn tối đa 7.500 tỷ đồng (bảy nghìn năm trăm tỷ đồng).

Điều 3. Lãi suất tái cấp vốn

1. Lãi suất tái cấp vốn là 0%/năm.

2. Lãi suất tái cấp vốn quá hạn là 0%/năm.

Điều 4. Thời hạn tái cấp vốn, giải ngân tái cấp vốn

1. Thời hạn tái cấp vốn là 364 ngày, tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày Ngân hàng Nhà nước giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Thời hạn tái cấp vốn quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng đối với từng lần giải ngân quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này.

3. Thời hạn giải ngân tái cấp vốn từ ngày ký khế ước nhận nợ đầu tiên đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022 hoặc đến khi giải ngân hết 7.500 tỷ đồng tùy theo điều kiện nào đến trước.

Điều 5. Tài sản bảo đảm

Ngân hàng Nhà nước tái cấp vốn không có tài sản bảo đảm đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 6. Trình tự tái cấp vốn

---

[1] Thông tư số 36/2026/TT-NHNN có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về điều hành công cụ chính sách tiền tệ và việc các tổ chức tín dụng Nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội do thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy."

1. Ngân hàng Chính sách xã hội gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 01 bản Giấy đề nghị vay tái cấp vốn theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đến trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả).

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị vay tái cấp vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội quy định tại khoản 1 Điều này, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước nhận được Quyết định tái cấp vốn quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện ký Hợp đồng nguyên tắc về tái cấp vốn với các nội dung cơ bản theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Ngân hàng Nhà nước giải ngân tái cấp vốn từng lần đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo trình tự sau:

a) Trên cơ sở Hợp đồng nguyên tắc về tái cấp vốn đã ký quy định tại khoản 3 Điều này và số tiền đề nghị vay của người sử dụng lao động đủ điều kiện quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg), Ngân hàng Chính sách xã hội gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 01 bản Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước);

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội quy định tại điểm a Khoản này, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, giải ngân tái cấp vốn theo số tiền tại Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội sau khi khế ước nhận nợ theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này đã được ký.

Điều 7. Trả nợ vay tái cấp vốn

1. Khi khoản vay tái cấp vốn đến hạn, Ngân hàng Chính sách xã hội phải trả hết nợ gốc vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước từ tiền trả nợ của người sử dụng lao động vay theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (sau đây gọi là người sử dụng lao động).

2. Trường hợp đến hết ngày 05 tháng 4 năm 2022, Ngân hàng Chính sách xã hội không giải ngân hết số tiền đã nhận giải ngân quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này thì trước ngày 15 tháng 4 năm 2022, Ngân hàng Chính sách xã hội phải trả Ngân hàng Nhà nước số tiền không giải ngân hết theo thứ tự từ khế ước nhận nợ còn dư nợ được ký sớm nhất.

3. Trường hợp dư nợ khoản vay tái cấp vốn đến hạn, Ngân hàng Chính sách xã hội không trả hết nợ theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Ngân hàng

Nhà nước chuyển dư nợ khoản tái cấp vốn sang theo dõi quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng.

4. Trường hợp phát sinh tiền trả nợ của người sử dụng lao động, trong thời hạn 10 ngày làm việc đầu tháng tiếp theo, Ngân hàng Chính sách xã hội phải sử dụng toàn bộ số tiền trả nợ của người sử dụng lao động trong tháng để trả nợ vay tái cấp vốn theo thứ tự từ khế ước nhận nợ còn dư nợ được ký sớm nhất (bao gồm dư nợ vay tái cấp vốn đã chuyển sang theo dõi quá hạn, dư nợ vay tái cấp vốn chưa đến hạn), trừ trường hợp phát sinh tiền thu hồi quy định tại khoản 4 Điều 42 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

5. Trường hợp phát hiện Ngân hàng Chính sách xã hội có tiền trả nợ của người sử dụng lao động mà không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này và/hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước áp dụng biện pháp xử lý như sau:

a) Áp dụng lãi suất bằng lãi suất cho vay quá hạn của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với người sử dụng lao động quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (12%/năm) đối với số tiền chưa trả đúng, kể từ ngày tiếp theo liền kề ngày phải trả theo quy định tại Thông tư này đến ngày Ngân hàng Chính sách xã hội trả hết số tiền chưa trả đúng;

b) Trích tài khoản của Ngân hàng Chính sách xã hội tại Ngân hàng Nhà nước để thu hồi số tiền vay tái cấp vốn mà Ngân hàng Chính sách xã hội chưa trả đúng và tiền lãi quy định tại điểm a Khoản này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước nhận được văn bản thông báo vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 5 Điều 9 Thông tư này.

c) Trường hợp đã thực hiện biện pháp quy định tại điểm b Khoản này nhưng vẫn chưa thu hồi đủ số tiền vay tái cấp vốn mà Ngân hàng Chính sách xã hội chưa trả đúng và tiền lãi quy định tại điểm a Khoản này, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước tiếp tục theo dõi, trích tài khoản của Ngân hàng Chính sách xã hội tại Ngân hàng Nhà nước cho đến khi thu hồi hết nợ;

d) Việc thu hồi tiền vay tái cấp vốn và tiền lãi quy định tại điểm b, c Khoản này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng và các tổ chức khác.

6. Ngân hàng Nhà nước xử lý rủi ro đối với khoản vay tái cấp vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Điều 43 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho Ngân hàng Nhà nước các văn bản, tài liệu về việc vay tái cấp vốn. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính

chính xác, hợp pháp của các văn bản, tài liệu đã cung cấp.

2. Thực hiện ký Hợp đồng nguyên tắc về tái cấp vốn, khế ước nhận nợ với Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, nhận giải ngân tiền vay tái cấp vốn và trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại Thông tư này.

3. Sử dụng tiền vay tái cấp vốn đúng mục đích; theo dõi, hạch toán, quản lý riêng khoản vay tái cấp vốn quy định tại Thông tư này.

4. Trước ngày 20 tháng 4 năm 2022, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số liệu tiền vay tái cấp vốn đã giải ngân theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời gửi Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Vụ Tín dụng[2].

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc đầu tháng, báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Vụ Tín dụng[3]) về việc trả nợ vay tái cấp vốn từ tiền trả nợ của người sử dụng lao động theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Đôn đốc, thu hồi khoản cho vay người sử dụng lao động để trả nợ vay tái cấp vốn Ngân hàng Nhà nước.

Điều 9. Trách nhiệm các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Chính sách tiền tệ

a) Đầu mối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

b) Đầu mối xử lý các vướng mắc phát sinh liên quan đến quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

a) Giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;

b) Trường hợp phát hiện Ngân hàng Chính sách xã hội có tiền trả nợ của người sử dụng lao động mà không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 7 và/hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này, Cơ quan Thanh tra,

---

[2] Cụm từ "Vụ Tín dụng các ngành kinh tế" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Tín dụng" theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

[3] Cụm từ "Vụ Tín dụng các ngành kinh tế" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Tín dụng" theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

giám sát ngân hàng có văn bản thông báo vi phạm gửi Ngân hàng Chính sách xã hội, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng[4].

Văn bản thông báo vi phạm xác định rõ nội dung vi phạm và biện pháp xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này.

3. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước

a) Thực hiện ký Hợp đồng nguyên tắc về tái cấp vốn, phê duyệt và giải ngân tái cấp vốn, thu nợ tái cấp vốn, chuyển khoản tái cấp vốn sang theo dõi quá hạn theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này sau khi nhận được văn bản thông báo vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 5 Điều này;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo của tháng báo cáo, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số liệu tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; đồng thời gửi Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Tín dụng[5].

4. Vụ Tài chính - Kế toán

a) Hướng dẫn hạch toán kế toán liên quan đến việc tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội quy định tại Thông tư này;

b) Đầu mối trong việc thực hiện xử lý rủi ro phát sinh đối với khoản vay tái cấp vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với đơn vị trực thuộc của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;

b) Trường hợp phát hiện Ngân hàng Chính sách xã hội có tiền trả nợ của người sử dụng lao động mà không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 7 và/hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản thông báo vi phạm gửi Ngân hàng Chính sách xã hội, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng[6], Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng. Văn bản

---

[4] Cụm từ "Vụ Tín dụng các ngành kinh tế" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Tín dụng" theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

[5] Cụm từ "Vụ Tín dụng các ngành kinh tế" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Tín dụng" theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

[6] Cụm từ "Vụ Tín dụng các ngành kinh tế" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Tín dụng" theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

thông báo vi phạm xác định rõ nội dung vi phạm và biện pháp xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này.

6. Cục Công nghệ thông tin

Tổ chức nâng cấp, chỉnh sửa hệ thống phần mềm nghiệp vụ đáp ứng theo quy định tại Thông tư này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành[7]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2021.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

[7] Điều 6 và Điều 7 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026./."

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: …	*Hà Nội, ngày … tháng … năm …*

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY TÁI CẤP VỐN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Chính sách tiền tệ)

Tên tổ chức tín dụng: Ngân hàng Chính sách xã hội

Địa chỉ: … Điện thoại: … Fax:…

Số hiệu tài khoản bằng VND: … tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg);

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là Thông tư số 10/2021/TT-NHNN);

Ngân hàng Chính sách xã hội đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái cấp vốn để cho người sử dụng lao động vay theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg như sau:

1. Số tiền tái cấp vốn: Tối đa 7.500 tỷ đồng (bảy nghìn năm trăm tỷ đồng). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giải ngân tái cấp vốn từng lần theo số tiền tại Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Thời hạn tái cấp vốn: 364 ngày, tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội (tính theo từng lần giải ngân).

3. Lãi suất tái cấp vốn: 0%/năm; Lãi suất tái cấp vốn quá hạn: 0%/năm.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội vay tái cấp vốn không có tài sản bảo đảm

tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngân hàng Chính sách xã hội cam kết tuân thủ đúng các quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-NHNN và quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: …

Người đại diện hợp pháp
của Ngân hàng Chính sách xã hội
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 2021

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
GIỮA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VÀ NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
Về tái cấp vốn để cho người sử dụng lao động vay theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19

Số: ...../2021/HĐNT-NHNN-NHCSXH

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg);

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là Thông tư số 10/2021/TT-NHNN);

Căn cứ Quyết định số..../QĐ-NHNN ngày....tháng....năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội…;

Hôm nay, ngày.... tháng.... năm…tại ..., Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội tiến hành ký Hợp đồng nguyên tắc về tái cấp vốn để cho người sử dụng lao động vay theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg;

Bên cho vay tái cấp vốn (Bên A): Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Ông/Bà:……..
- Chức vụ: ……..
- Địa chỉ: …….
- Điện thoại: …… Fax: …….
- Số hiệu tài khoản tiền vay bằng đồng Việt Nam:……tại …….

Bên vay tái cấp vốn (Bên B): Ngân hàng Chính sách xã hội

- Ông/Bà:…….
- Chức vụ:…….

Theo giấy ủy quyền số…….của …. (nếu có)

- Địa chỉ: ……..
- Điện thoại: ……. Fax:…….
- Số hiệu tài khoản bằng đồng Việt Nam:…… tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Hai bên cam kết thực hiện các thỏa thuận dưới đây:

Điều 1. Mục đích tái cấp vốn

Bên A tái cấp vốn đối với Bên B để cho người sử dụng lao động vay theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

Điều 2. Số tiền tái cấp vốn

- Bằng số: Tối đa 7.500 tỷ đồng.
- Bằng chữ: Tối đa bảy nghìn năm trăm tỷ đồng.

Điều 3. Lãi suất tái cấp vốn

1. Lãi suất tái cấp vốn: 0%/năm.

2. Lãi suất tái cấp vốn quá hạn: 0%/năm.

Điều 4. Thời hạn

1. Thời hạn tái cấp vốn: 364 ngày, tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Thời hạn tái cấp vốn quy định tại khoản 1 Điều này được tính theo từng lần giải ngân quy định tại Điều 6 Hợp đồng nguyên tắc này. Trường hợp ngày trả nợ trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

3. Thời hạn giải ngân tái cấp vốn từ ngày ký khế ước nhận nợ đầu tiên đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022 hoặc đến khi giải ngân hết 7.500 tỷ đồng tùy theo điều kiện nào đến trước.

Điều 5. Tài sản bảo đảm

Bên A tái cấp vốn không có tài sản bảo đảm đối với Bên B.

Điều 6. Giải ngân tái cấp vốn

Bên A giải ngân tái cấp vốn từng lần đối với Bên B theo trình tự quy định tại Thông tư 10/2021/TT-NHNN.

Điều 7. Trả nợ vay tái cấp vốn

1. Bên B phải trả nợ vay tái cấp vốn cho Bên A theo quy định tại Điều 7 Thông tư 10/2021/TT-NHNN.

2. Trường hợp Bên B không trả nợ vay tái cấp vốn cho Bên A theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Bên A áp dụng các biện pháp xử lý quy định tại Điều 7 Thông tư 10/2021/TT-NHNN.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a) Thực hiện phê duyệt, giải ngân, thu nợ vay tái cấp vốn của Bên B theo đúng quy định;

b) Yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan đến khoản tái cấp vốn.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a) Thực hiện ký khế ước nhận nợ, nhận giải ngân, sử dụng vốn vay tái cấp vốn đúng mục đích, trả nợ vay tái cấp vốn theo đúng quy định;

b) Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-NHNN.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung quy định tại Hợp đồng nguyên tắc này và các quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-NHNN.

2. Khế ước nhận nợ là một phần không thể tách rời của Hợp đồng nguyên tắc.

3. Hai bên thực hiện sửa đổi, bổ sung các nội dung của Hợp đồng nguyên

tắc này khi có sự thay đổi về chính sách, quy định của cấp có thẩm quyền.

4. Hợp đồng nguyên tắc này tự động thanh lý khi Bên B hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Bên A theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-NHNN.

5. Hợp đồng nguyên tắc này có hiệu lực kể từ ngày ký.

6. Hợp đồng nguyên tắc này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

BÊN A (BÊN CHO VAY TÁI CẤP VỐN) **ĐẠI DIỆN SỞ GIAO DỊCH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	**BÊN B (BÊN VAY TÁI CẤP VỐN)** **ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: ……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN TÁI CẤP VỐN

Kính gửi: Sở Giao dịch - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tên tổ chức tín dụng: Ngân hàng Chính sách xã hội

Địa chỉ: … Điện thoại: … Fax:…

Số hiệu tài khoản bằng VND: … tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Người đại diện:……. Chức vụ:……. Giấy ủy quyền số …. (nếu có)

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là Thông tư số 10/2021/TT-NHNN);

Căn cứ Quyết định số … /QĐ-NHNN ngày … tháng … năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội…;

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội số ……/2021/HĐNT-NHNN-NHCSXH ngày … tháng … năm 2021;

Căn cứ số tiền đề nghị vay của người sử dụng lao động đủ điều kiện quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg);

Ngân hàng Chính sách xã hội đề nghị Sở Giao dịch - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giải ngân số tiền vay tái cấp vốn (bằng số) … đồng, (bằng chữ) … đồng để cho người sử dụng lao động vay theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

Ngân hàng Chính sách xã hội cam kết và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu tại Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn

này và tại Bảng chi tiết số tiền đề nghị giải ngân tái cấp vốn để cho người sử dụng lao động vay theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (đính kèm) là chính xác; cam kết tuân thủ đúng các quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-NHNN và quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:	**Người đại diện hợp pháp của**
- Như trên;	**Ngân hàng Chính sách xã hội**
- Lưu: …	(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ….	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ….*

BẢNG CHI TIẾT SỐ TIỀN ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN TÁI CẤP VỐN ĐỂ CHO NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VAY THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2021/QĐ-TTg

(Kèm theo Giấy đề nghị số ... ngày... tháng ... năm ...)

Đơn vị: Đồng

STT	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Số tiền đề nghị giải ngân tái cấp vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tỉnh A	…	
2	Thành phố B	…	
…	…	…	
Tổng cộng		…	

Ghi chú: *Sau khi Ngân hàng Chính sách xã hội nhận giải ngân tái cấp vốn, trường hợp đơn vị trực thuộc của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh, thành phố) chưa giải ngân hết số tiền tại cột (3) Bảng này, Ngân hàng Chính sách xã hội có thể điều chuyển cho Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh, thành phố khác sử dụng số tiền tái cấp vốn chưa giải ngân hết để giải ngân cho người sử dụng lao động vay theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và chịu trách nhiệm về việc điều chuyển này.*

Người lập bảng *(Ký, ghi rõ họ tên)*	Người kiểm soát *(Ký, ghi rõ họ tên)*	Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Chính sách xã hội *(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)*

Hướng dẫn lập bảng:

Số liệu tại cột (3) tổng hợp từ số tiền đề nghị vay của người sử dụng lao động đủ điều kiện theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày ... tháng ... năm ...

KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ

Giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với Ngân hàng Chính sách xã hội

Số: .....

(Kèm theo Hợp đồng nguyên tắc số……/2021/HĐNT-NHNN-NHCSXH)

Tên tổ chức tín dụng: Ngân hàng Chính sách xã hội

Địa chỉ: ……

Số hiệu tài khoản bằng đồng Việt Nam: …… tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg);

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là Thông tư số 10/2021/TT-NHNN);

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội số…/2021/HĐNT-NHNN-NHCSXH ngày… tháng… năm 2021;

Căn cứ Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn số… ngày… tháng… năm… của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Ngân hàng Chính sách xã hội nhận nợ vay tái cấp vốn với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo các nội dung sau:

1. Số tiền tái cấp vốn:

- Bằng số:…….

- Bằng chữ:…...

2. Thời hạn tái cấp vốn: 364 ngày, tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày Ngân hàng Nhà nước giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Lãi suất tái cấp vốn: 0%/năm; lãi suất tái cấp vốn quá hạn: 0%/năm.

4. Ngày giải ngân: …….

5. Ngày đến hạn: ……

6. Mục đích tái cấp vốn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội để cho người sử dụng lao động vay theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

Ngân hàng Chính sách xã hội cam kết thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-NHNN và Hợp đồng nguyên tắc giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội số……../2021/HĐNT-NHNN-NHCSXH./.

Trưởng ban *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Người đại diện hợp pháp** **của Ngân hàng Chính sách xã hội** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN TÁI CẤP VỐN
CỦA SỞ GIAO DỊCH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1. Số tiền tái cấp vốn:

- Bằng số:…...

- Bằng chữ:….

2. Thời hạn tái cấp vốn: 364 ngày, tính từ ngày ngày tiếp theo liền kề ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Lãi suất tái cấp vốn: 0%/năm; lãi suất tái cấp vốn quá hạn: 0%/năm.

4. Ngày giải ngân: ……

5. Ngày đến hạn: ……..

6. Mục đích tái cấp vốn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội để cho người sử dụng lao động vay theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

TRƯỞNG PHÒNG *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**ĐẠI DIỆN SỞ GIAO DỊCH NGÂN HÀNG** **NHÀ NƯỚC VIỆT NAM** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

THEO DÕI GIẢI NGÂN VÀ THU NỢ TÁI CẤP VỐN

1. Giải ngân tái cấp vốn

Ngày tháng năm	Số tiền tái cấp vốn	Lãi suất tái cấp vốn	Thời hạn tái cấp vốn	Ký nhận, đóng dấu của Ngân hàng Chính sách xã hội

2. Thu nợ tái cấp vốn

Ngày tháng năm	Số tiền thu nợ		Dư nợ tái cấp vốn
	Số tiền gốc	Số tiền lãi	

3. Theo dõi nợ quá hạn

Ngày tháng năm	Số tiền tái cấp vốn chuyển nợ quá hạn	Lãi suất nợ quá hạn	Số tiền trả nợ gốc	Số tiền trả nợ lãi	Dư nợ tái cấp vốn quá hạn

Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: …...	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

BÁO CÁO SỐ LIỆU TIỀN VAY TÁI CẤP VỐN ĐÃ GIẢI NGÂN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2021/QĐ-TTg

Đến hết ngày 15 tháng 4 năm 2022

Đơn vị: đồng

STT	Số hiệu, ngày tháng năm khế ước nhận nợ	Số tiền Ngân hàng Chính sách xã hội nhận giải ngân vay tái cấp vốn	Số tiền vay tái cấp vốn Ngân hàng Chính sách xã hội đã giải ngân cho vay theo Quyết định 23/2021/QĐ-TTg	Số tiền vay tái cấp vốn Ngân hàng Chính sách xã hội không giải ngân cho vay hết đã trả NHNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
…				
Tổng				

Ghi chú: *Trường hợp phát sinh việc điều chuyển giữa các Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh, thành phố khác nhau, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo số tiền vay tái cấp vốn đã giải ngân cho người sử dụng lao động vay theo từng địa bàn tỉnh, thành phố có thay đổi so với số tiền đã đề nghị giải ngân tái cấp vốn.*

Lập biểu	**Kiểm soát**	**Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Chính sách xã hội**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Vụ Chính sách tiền tệ;
- Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước;
- Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;
- Vụ Tín dụng[8].
- Lưu: …

Hướng dẫn lập biểu:

- Phương thức gửi báo cáo: Văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;
- Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 4 năm 2022;
- Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày bắt đầu nhận giải ngân tiền vay tái cấp vốn đến hết ngày 15 tháng 4 năm 2022.

[8] Cụm từ "Vụ Tín dụng các ngành kinh tế" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Tín dụng" theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: ….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày … tháng … năm ….

BÁO CÁO VỀ VIỆC TRẢ NỢ VAY TÁI CẤP VỐN TỪ TIỀN TRẢ NỢ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VAY VỐN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2021/QĐ-TTg

Tháng … năm …

Đơn vị: đồng

STT	Số hiệu, ngày tháng năm khế ước nhận nợ	Số tiền vay tái cấp vốn Ngân hàng Chính sách xã hội đã nhận giải ngân	Số dư vay tái cấp vốn đến cuối tháng trước liền kề tháng báo cáo	Số tiền thu hồi nợ của người sử dụng lao động trong tháng trước liền kề tháng báo cáo	Số tiền trả nợ vay tái cấp vốn trong tháng báo cáo	Số dư vay tái cấp vốn đến cuối tháng báo cáo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
…						
Tổng						

Ghi chú:……

Lập biểu	**Kiểm soát**	**Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Chính sách xã hội**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Vụ Chính sách tiền tệ;
- Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước;
- Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;
- Vụ Tín dụng[9].
- Lưu: ….

Hướng dẫn lập biểu:

- Phương thức gửi báo cáo: Văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

- Thời hạn gửi báo cáo: 10 ngày làm việc đầu của tháng tiếp theo liền kề tháng báo cáo;

- Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày bắt đầu nhận giải ngân tiền vay tái cấp vốn đến hết ngày cuối cùng của tháng Ngân hàng Chính sách xã hội trả nợ vay tái cấp vốn.

[9] Cụm từ "Vụ Tín dụng các ngành kinh tế" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Tín dụng" theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

Phụ lục VII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-NHNN ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

SỞ GIAO DỊCH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Số: ….

BÁO CÁO SỐ LIỆU TÁI CẤP VỐN ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2021/QĐ-TTg

Tháng ... năm ...

Đơn vị: Đồng

STT	Số hiệu ngày tháng năm khế ước nhận nợ	Dư nợ tái cấp vốn đầu tháng báo cáo	Giải ngân		Thu nợ		Chuyển quá hạn		Dư nợ cuối tháng báo cáo	
			Số tiền	Ngày	Số tiền	Ngày	Số tiền	Ngày	Tái cấp vốn trong hạn	Tái cấp vốn quá hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng số										

..., ngày ... tháng ... năm ...

Lập biểu	**Kiểm soát**	**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
- Ban Lãnh đạo NHNN (để báo cáo);
- Vụ Chính sách tiền tệ;
- Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;
- Vụ Tín dụng[10].
- Lưu: …

[10] Cụm từ "Vụ Tín dụng các ngành kinh tế" được thay thế bởi cụm từ "Vụ Tín dụng" theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 36/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

Hướng dẫn lập biểu: Thời gian chốt số liệu từ ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng báo cáo.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 18 tháng 9.. năm 2026

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

Nơi nhận:
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Văn phòng (để đăng trên Cổng thông tin điện tử NHNN VN);
- Lưu: VP, PC1.